

Số: 268/QĐ-BV

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 8 năm 2026

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công bố công khai dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực 333**

#### **GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC 333**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017, của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 02206/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa khu vực 333;

Căn cứ Quyết định số 02494/QĐ-SYT, ngày 30/12/2025 của Sở Y tế về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 0791/QĐ-SYT, ngày 15/05/2026 của Sở Y tế Về việc điều chỉnh nội dung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 từ nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12) sang nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13) để chi lương và chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 01191/QĐ-SYT, ngày 30/06/2026 của Sở Y tế Về việc giao tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước và nguồn thu phí được khấu trừ để lại (lần 2) dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế theo Nghị quyết số 135/NQ-CP, ngày 22/5/2026 của Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-SYT, ngày 10/08/2026 của Sở Y tế về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán Bệnh viện đa khoa khu vực 333.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực 333 (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng tài chính kế toán và các Ông (Bà) Trưởng khoa/phòng của Bệnh viện đa khoa khu vực 333 thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Y tế (B/cáo);
- Ban GD (đ/b);
- Phòng CNTT (đ/tải website BV);
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC** 

**Nguyễn Thị Kim Thành**



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 268 /QĐ-BV ngày 14/08/2026 của  
Bệnh viện đa khoa khu vực 333)

ĐVT: ngàn đồng

| TT       | Chỉ tiêu                                                                                                                               | Dự toán năm 2026  | Tiết kiệm 10%    | Dự toán được sử dụng | Ghi chú |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|----------------------|---------|
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                       | <b>29.048.000</b> | <b>1.374.000</b> | <b>27.674.000</b>    |         |
| <b>1</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 13)</b>                                                                                       | <b>15.012.000</b> | <b>28.000</b>    | <b>14.984.000</b>    |         |
|          | Chi lương (Tổng quỹ tiền lương: 24.713 trđ; NSNN cấp: 12.863 trđ; Chi từ nguồn thu năm 2026 của đơn vị: 11.850 trđ)                    | 12.863.000        |                  | 12.863.000           |         |
|          | Chi thường xuyên (Tổng chi thường xuyên theo định mức: 6.680 trđ; NSNN cấp 2.149 trđ; Chi từ nguồn thu năm 2026 của đơn vị: 4.531 trđ) | 2.149.000         | 28.000           | 2.121.000            |         |
| <b>2</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 18)</b>                                                                                 | <b>581.000</b>    | <b>-</b>         | <b>581.000</b>       |         |
|          | Quỹ tiền thưởng theo ND số 73/2024 của Chính phủ                                                                                       | 581.000           |                  | 581.000              |         |
| <b>3</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 12)</b>                                                                                 | <b>13.455.000</b> | <b>1.346.000</b> | <b>12.109.000</b>    |         |
| <b>a</b> | <b>Chi mua sắm tài sản trang thiết bị</b>                                                                                              | <b>8.255.000</b>  | <b>826.000</b>   | <b>7.429.000</b>     |         |
|          | Hệ thống nội soi tiêu hoá (dạ dày, đại tràng) (1 hệ thống)                                                                             | 2.500.000         | 250.000          | 2.250.000            |         |
|          | Máy tán sỏi Laser (1 cái) ( dự kiến kinh phí 5.000 trđ; NSSN 4.300trđ, QPTHĐSN: 700trđ)                                                | 4.300.000         | 430.000          | 3.870.000            |         |
|          | Máy gây mê (1 cái)                                                                                                                     | 1.455.000         | 146.000          | 1.309.000            |         |
| <b>b</b> | <b>Chi bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới tài sản công</b>                                                           | <b>5.200.000</b>  | <b>520.000</b>   | <b>4.680.000</b>     |         |
|          | Sửa chữa hệ thống bể tự hoại dây nhà làm việc 3 tầng                                                                                   | 1.600.000         | 160.000          | 1.440.000            |         |
|          | Sửa chữa nhà làm việc 03 tầng                                                                                                          | 1.900.000         | 190.000          | 1.710.000            |         |
|          | Sửa chữa khuôn viên bệnh viện (Giai đoạn 2)                                                                                            | 1.700.000         | 170.000          | 1.530.000            |         |